

có kinh doanh thì Bộ cần trao đổi với Bộ Nội thương trước khi quyết định giá.

5. Quyết định giá (bao gồm cả giá mua và giá bán) phế liệu thu được trong quá trình sản xuất (bao gồm cả phế liệu từ kim loại màu, dầu thải...) mà Bộ Vật tư cung ứng nguyên liệu. Trước khi quyết định giá Bộ cần trao đổi với Bộ và tỉnh có phế liệu. (Nếu xét thấy cần thiết).

6. Quyết định giá mua phế liệu là kim loại màu của nhân dân và phế liệu thu hồi trong chiến tranh.

7. Quyết định giá mua, giá gia công (giá chuẩn hoặc khung giá) sản phẩm tiêu công nghiệp (bao gồm cả sản phẩm do các đơn vị thuộc Bộ tự gia công) mà Bộ Vật tư cung ứng toàn bộ nguyên liệu hoặc phần lớn nguyên liệu chính như kéo dây, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí... để làm căn cứ cho các đơn vị thuộc Bộ và cơ sở sản xuất thỏa thuận giá mua và bán; nhưng không được làm «đội» giá bán buôn vật tư đang có hiệu lực. Trường hợp cần thay đổi giá bán buôn vật tư thì Bộ lập phương án giá gửi Ủy ban Vật giá Nhà nước giải quyết đồng thời với việc quyết định giá gia công và giá thu mua.

8. Đối với vật tư được Hội đồng Bộ trưởng cho phép kinh doanh theo giá linh hoạt mà là vật tư thuộc thẩm quyền quyết định giá của Hội đồng Bộ trưởng hoặc Ủy ban Vật giá Nhà nước thì Ủy ban Vật giá Nhà nước quyết định khung giá. Bộ Vật tư quyết định giá cụ thể trong khung giá đó. Giá bán vật tư thu bằng ngoại tệ được thực hiện theo quy định trong công văn số 3.361-V16 ngày 29-6-1985 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc bán vật tư thu ngoại tệ.

Trong quá trình kinh doanh nếu phát sinh mặt hàng mới hoặc cần thay đổi quyền quyết định giá liên Bộ sẽ tiếp tục bổ sung.

K.T. Chủ nhiệm

Ủy ban Vật giá

Nhà nước

Phó Chủ nhiệm

K.T. Bộ trưởng

Bộ Vật tư

Thứ trưởng

TRẦN XUÂN GIÁ NGUYỄN VĂN KHĂN

ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH của Ủy ban Kế hoạch

Nhà nước số 124-UB/VPTT

ngày 10-11-1986 ban hành quy

định tạm thời phân loại công

trình xây dựng cơ bản.

CHỨC NHIỆM ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ (nay là Hội đồng Bộ trưởng) ban hành Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản và Quyết định số 135-CT ngày 29-5-1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ủy nhiệm cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ban hành văn bản quy định tạm thời về phân loại công trình xây dựng cơ bản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Ban hành kèm theo Quyết định này bản quy định tạm thời phân loại công trình xây dựng cơ bản (kể cả công trình kinh tế, văn hóa, xã hội của ngành an ninh, quốc phòng).

Điều 2. — Các chủ đầu tư chủ quản đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan quản lý xây dựng cơ bản các cấp có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. — Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

K.T. Chủ nhiệm

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước
Bộ trưởng, Phó Chủ nhiệm thứ nhất
HOÀNG QUY

QUY ĐỊNH TẠM THỜI

phân loại công trình xây dựng cơ bản

(ban hành kèm theo Quyết định số 124-UB/VP TT ngày 10-11-1986 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước).

Điều 1. — Phân loại công trình xây dựng cơ bản nhằm mục đích thống nhất phân cấp quản lý công tác xây dựng cơ bản như phân cấp xét duyệt dự án đầu tư và luận chứng kinh tế - kỹ thuật, phân cấp xét duyệt thiết kế, phân cấp xét duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và cấp phát thi công...

Điều 2. — Tất cả các công trình hoặc liên hiệp công trình xây dựng cơ bản (dưới đây gọi chung là công trình) được phân thành 3 loại:

- Công trình quan trọng;
- Công trình trên hạn ngạch;
- Công trình dưới hạn ngạch.

Điều 3. — Công trình quan trọng là công trình có vị trí quyết định cơ cấu và tốc

độ phát triển nền kinh tế quốc dân hoặc có ý nghĩa đặc biệt khác được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ định trong từng kế hoạch 5 năm.

Điều 4. — Công trình trên hạn ngạch là công trình thuộc một trong những trường hợp sau đây:

1. Công trình xây dựng mới có năng lực thiết kế lớn hơn mức sau đây:

- Nhà máy thủy điện 1.000 KW;
- Mỏ than khai thác lộ thiên

100.000 tấn/năm;

- Nhà máy gạch 10 triệu viên/năm;
- Nhà máy đường 100 tấn mía/ngày;
- Nhà máy chè 13,5 tấn búp/ngày;
- Nhà máy xay xát 15 tấn/ca;

— Đường dây dẫn điện 110KV có chiều dài 25km;

— Cầu đường bộ độc lập có chiều dài 100m hoặc có nhịp 60m;

- Thủy lợi (tưới, tiêu) chc 1.000 héc-ta;
- Lâm trường 2.000 héc-ta;
- Nông trường 1000 héc-ta;
- Bệnh viện tuyến huyện 100 giường.

2. Công trình xây dựng mới có tổng vốn đầu tư từ 80 triệu đồng trở lên thuộc các ngành:

- Công nghiệp điện năng (không kể đường dây tải điện và trạm biến thế điện);
- Công nghiệp nhiên liệu;
- Công nghiệp luyện kim đen;
- Công nghiệp luyện kim màu;
- Công nghiệp dệt, sợi;
- Công nghiệp chế tạo máy công cụ, máy năng lượng và thiết bị vận tải cơ giới như ô-tô, máy kéo, đầu máy toa xe, tàu thủy...;

— Công nghiệp xenlulô và giấy;

— Công nghiệp xi măng;

— Đường sắt, cầu đường sắt độc lập.

3. Công trình xây dựng mới có tổng vốn đầu tư từ 40 triệu đồng trở lên thuộc các ngành:

— Công nghiệp cơ khí chế tạo thiết bị máy móc (không kể công nghiệp chế tạo máy công cụ, máy năng lượng và thiết bị vận tải cơ giới) phụ tùng và cơ khí sửa chữa;

— Đường dây tải điện và trạm biến thế điện;

— Công nghiệp kỹ thuật điện và điện tử;

— Công nghiệp hóa chất và cao su;

— Công nghiệp vật liệu xây dựng (không kể công nghiệp xi măng);

— Công nghiệp khai thác, chế biến gỗ và lâm sản;

— Công nghiệp sành sứ và thủy tinh;

— Công nghiệp lương thực;

— Công nghiệp thực phẩm;

— Công nghiệp may;

— Công nghiệp thuộc da và sản xuất các sản phẩm từ da, giả da;

— Công nghiệp in;

— Công nghiệp khác;

— Nông nghiệp (không kể các trạm, trại nông nghiệp);

— Lâm nghiệp (không kể các trạm, trại lâm nghiệp);

— Xây dựng;

— Thủy lợi;

— Giao thông vận tải (không kể đường sắt, cầu đường sắt);

— Bưu điện, thông tin liên lạc, truyền thanh, truyền hình.

4. Công trình xây dựng mới có tổng vốn đầu tư từ 20 triệu đồng trở lên thuộc các ngành:

— Các trạm, trại nông nghiệp;

— Các trạm, trại lâm nghiệp;

— Thương nghiệp, cung ứng vật tư và thu mua;

— Nhà ở, công trình phục vụ công cộng, trụ sở cơ quan;

— Cơ sở nghiên cứu khoa học;

— Giáo dục và đào tạo;

— Văn hóa và nghệ thuật (không kể truyền thanh, truyền hình);

— Y tế, bảo hiểm xã hội, thể thao thể dục;

— Các ngành khác.

5. Công trình khôi phục, cải tạo, mở rộng hoặc đổi mới kỹ thuật có tổng vốn đầu tư bằng 2/3 mức vốn quy định cho từng loại công trình ghi ở điểm 2, 3, 4 của điều 4 này.

6. Công trình nhập thiết bị toàn bộ công trình đầu tư có nhu cầu ngoại tệ từ 200.000 rúp hoặc đôla (Mỹ) trở lên.

Điều 5. — Công trình dưới hạn ngạch là các công trình không thuộc loại công trình quan trọng (quy định tại điều 3) không thuộc loại công trình trên hạn ngạch (quy định tại điều 4).

Điều 6. — Tổng vốn đầu tư xây dựng công trình trên đây tính theo đơn giá xây dựng cơ bản khu vực năm 1986. Không được xé lẻ công trình để hạ mức hạn ngạch.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

THÔNG TƯ của Ngân hàng Nhà nước số 136-NH/TT ngày 8-10-1986 hướng dẫn thực hiện biện pháp đặc biệt huy động tiền gửi tiết kiệm và lãi cho vay của Ngân hàng nước.

Thực hiện Quyết định số 119-HĐBT 4-10-1986 của Hội đồng Bộ trưởng về